

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Ngọc Á** – sinh năm 1992;

Số CCCD: 054192006358, cấp ngày 21/9/2022;

Nơi thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn T** – sinh năm 1991;

Số CCCD: 056091010372, cấp ngày 29/5/2023;

Nơi thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phan Thị Ngọc Á và ông Lê Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc Á và ông Lê Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị Ngọc Á được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Ngọc An N – Sinh ngày 11 tháng 06 năm 2020. Bà Á không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Ngọc Á và ông Lê Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc Á và ông Lê Văn T mỗi người phải nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Á tự nguyện nộp thay án phí cho ông T. Như vậy bà Á phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp là theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000753 ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. H lại cho bà Á số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND khu vực 4 - Khánh Hòa;
 - THADS tỉnh Khánh Hòa;
 - Ủy ban nhân dân xã Tân Định
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2019, ngày 23/8/2019 của UBND xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hoà cũ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT, AV

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Huyền